

ĐẦU TƯ QUỐC TẾ NĂM 2006 VÀ TRIỂN VỌNG

*Đặng Minh Tiến**

*Trần Thị Lan Hương***

Theo Báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và UNCTAD, tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2006 là 1222,5 tỷ USD, tăng 4,9% so với năm 2005 và vượt mức ấn tượng 1000 tỷ USD của năm 2000. Trên các thị trường mới nổi, đánh giá của Viện Tài chính Quốc tế (IIF) cho rằng dòng vốn đầu tư tư nhân năm 2006 đạt 417,9 tỷ USD, tuy giảm đôi chút so với mức tăng kỷ lục 479,6 tỷ USD năm 2005 nhưng đây vẫn là năm có mức tăng cao liên tiếp trong vòng nhiều năm qua. Sự suy giảm này chủ yếu do có sự sụt giảm nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác trong năm 2006. Trong khi đó, dòng vốn đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp vẫn có xu hướng tăng nhanh do chính phủ các nước tiếp tục thực hiện những chính sách kinh tế vĩ mô ổn định, đẩy mạnh cải cách cơ cấu để tạo sự hấp dẫn về môi trường đầu tư.

1. Đặc điểm và động thái của các dòng vốn đầu tư trong năm 2006

Vào tháng 3 năm 2006, những dự báo của IIF cho rằng dòng vốn tư nhân chảy vào thị trường mới nổi sẽ đạt 357 tỷ USD trong năm 2006. Tuy nhiên, những điều kiện thuận lợi của môi trường đầu tư thế giới đã khiến các dự báo cuối năm đều nhận định tổng vốn đầu tư tư nhân tăng khoảng 61 tỷ USD so với những dự báo ban đầu. Phân theo khu vực địa lý, châu Á - Thái Bình Dương chiếm tới 40% tổng dòng vốn đầu tư tư nhân vào thị trường mới nổi trong năm, đạt 178,6 tỷ USD, tiếp theo là các nền kinh tế mới nổi châu Âu chiếm 39,9%, đạt 166,7 tỷ USD. Châu Mỹ Latinh và châu Phi - Trung Đông trong nhiều năm liên tiếp vẫn là hai khu vực tiếp nhận dòng vốn đầu tư tư nhân ít nhất trên thế giới, chỉ chiếm 9,1% và 8,2% dòng vốn tư nhân vào thị trường mới nổi năm 2006 (bảng 2). Trong khi dòng vốn đầu tư tư nhân có xu hướng đạt mức cao trong năm 2006, thì dòng vốn tài

* Thạc sĩ, Trường Cao Đẳng Viên Đông - Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

** Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

trợ chính thức lại liên tiếp có sự suy giảm thức chảy ra khỏi các nền kinh tế mới nổi mạnh. Năm 2006, dòng vốn tài trợ chính là 47,7 tỷ USD.

Bảng 1: Dòng vốn nước ngoài chảy vào các thị trường mới nổi giai đoạn 2004-2007 (tỷ USD)

Năm	2004	2005	2006	2007
1. Dòng vốn tư nhân	323,9	479,6	417,9	403,6
Dòng vốn đầu tư cổ phần	185,3	240,7	259,7	245,2
Đầu tư trực tiếp	146,8	185,7	201,9	193,7
Đầu tư gián tiếp	38,5	55,0	57,7	51,5
Dòng vốn tín dụng nợ	138,6	238,9	158,3	158,4
Tín dụng ngân hàng thương mại	56,5	131,8	90,6	74,0
Tín dụng khác	82,1	107,1	67,7	84,4
2. Dòng vốn tài trợ chính thức	-16,0	-56,1	-47,7	-5,9
Từ các tổ chức quốc tế	-14,9	-39,3	-23,0	-4,4
Tín dụng song phương	-1,1	-16,7	-24,7	-1,5
3. Tổng cộng	307,9	423,5	370,2	397,7

Nguồn: Capital Flows to Emerging Market Economies, Institute of International Finance, tháng 9/2006.

Bảng 2: Cơ cấu dòng vốn vào thị trường mới nổi phân theo khu vực, giai đoạn 2004-2007 (tỷ USD)

Năm	2004	2005	2006	2007
1. Dòng vốn tư nhân	323,9	479,6	417,9	403,6
Mỹ Latinh	35,1	63,9	38,0	51,4
Châu Âu	118,2	186,5	166,7	168,4
Châu Phi – Trung Đông	10,9	30,4	34,6	29,3
Châu Á - Thái Bình Dương	159,7	198,8	178,6	154,5
2. Dòng vốn tài trợ chính thức	-16,0	-56,1	-47,7	-5,9
Mỹ Latinh	-7,7	-29,3	-17,9	1,6
Châu Âu	-4,5	-27,8	-26,7	-5,8
Châu Phi – Trung Đông	-3,1	-3,0	-0,4	-2,4
Châu Á - Thái Bình Dương	-0,6	4,0	-2,6	0,7

Nguồn: Capital Flows to Emerging Market Economies, Institute of International Finance, tháng 9/2006.

Xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư trong năm 2006 cũng có một số thay đổi so với những năm trước đó. Phân theo các thành phần của dòng vốn, vốn đầu tư năm 2006 có những đặc điểm cơ bản sau:

a. *Đầu tư gián tiếp tiếp tục có xu hướng gia tăng*: Năm 2006 đầu tư gián tiếp đạt 57,7 tỷ USD, vượt mức 55 tỷ USD của năm 2005. Sự gia tăng liên tiếp của dòng vốn đầu tư gián tiếp trong nhiều năm qua và trong năm 2006 là do những biến động theo chiều hướng có lợi của môi trường kinh tế ổn định ở nhiều nền kinh tế mới nổi. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy hơn 30 năm qua đầu tư gián tiếp luôn chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng dòng vốn đầu tư nước ngoài trên thế giới, chỉ chiếm khoảng 10-15%. So với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), khoảng cách này năm 2006 là 3,5 lần. Châu Á - Thái Bình Dương thu hút tới 40 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp trong năm, tăng nhẹ so với mức 38 tỷ USD của năm ngoái và chiếm tới 2/3 tổng vốn đầu tư gián tiếp vào thị trường mới nổi. Trong khu vực châu Á, Trung Quốc, Ấn Độ là 2 nước chiếm tỷ lệ thu hút đầu tư gián tiếp cao nhất, đạt 30 tỷ USD (Trung Quốc) và 6 tỷ USD (Ấn Độ). Khu vực châu Phi - Trung Đông chiếm vị trí thứ 2 trong thu hút dòng vốn đầu tư gián tiếp trong năm nay, với tổng số vốn là 9 tỷ USD, tăng so với 7,5 tỷ USD. Nam Phi chiếm tới 2/3 dòng vốn đầu tư gián tiếp trong khu vực năm nay, đạt 7 tỷ USD do các công ty xuyên quốc gia chú trọng ngày càng nhiều đến ngành khai thác tài nguyên khoáng sản của đất nước này. Khu vực Mỹ Latinh

năm nay thu hút được 6,4 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp, trong đó Braxin, Mêhicô, Chilê chiếm phần lớn dòng vốn gián tiếp chảy vào khu vực. Tại các thị trường mới nổi châu Âu, đầu tư gián tiếp năm 2006 giảm nhẹ so với con số 3 tỷ USD năm ngoái, chỉ đạt 2,7 tỷ USD, trong đó Nga là nước dẫn đầu trong khu vực.

b. *Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh, nhưng xu hướng gia tăng trong từng khu vực đang có sự thay đổi*. Chiều hướng tăng trưởng kinh tế khả quan của các nền kinh tế cũng như các điều kiện tài chính hấp dẫn và hoạt động sôi động của thị trường chứng khoán thế giới trong năm 2006 đã tạo điều kiện thu hút một lượng lớn dòng vốn FDI trên các thị trường mới nổi. Năm 2006, FDI đạt 201,9 tỷ USD, một mức cao chưa từng có sau khi đã đạt mức tăng trưởng kỷ lục 185,7 tỷ USD của năm 2006 và dự báo sẽ đạt 190 tỷ USD năm 2007. Bên cạnh 5 quốc gia được đánh giá là những nước tiếp nhận FDI hàng đầu thế giới là Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Braxin (chiếm tới hơn 1 nửa dòng FDI đổ vào các thị trường mới nổi), các nước khác trên thế giới cũng đang nỗ lực cải thiện các chính sách đầu tư của mình như tái cơ cấu ngành, cải thiện cơ sở hạ tầng, hoàn thiện thể chế, luật pháp..., do vậy dòng vốn FDI vào các nước này cũng không ngừng tăng lên. Một yếu tố quan trọng khiến FDI trên thế giới tăng kỷ lục trong năm nay là làn sóng tư nhân hoá, các vụ mua bán và sáp nhập (M&A) diễn ra trong năm nhanh, mạnh chưa từng có. Làn sóng này bắt đầu bùng



nổ từ cuối thập kỷ 1990 và trong năm 2006 các vụ mua bán và sáp nhập ước tính tăng 39% so với năm trước đó.

Xem xét sự phân bổ FDI theo từng khu vực, ta có thể thấy một động thái mới của dòng vốn FDI trong năm. Sau nhiều năm tăng trưởng mạnh, năm 2006 dòng vốn FDI vào châu Á - Thái Bình Dương có chiều hướng suy giảm. Mặc dù đây vẫn là khu vực đứng đầu trong các nền kinh tế mới nổi trong thu hút FDI và năm 2006 FDI vào khu vực này đạt 75,2 tỷ USD, chiếm 37,2% tổng FDI vào các nền kinh tế mới nổi, nhưng thấp hơn nhiều so với mức đỉnh điểm 84,7 tỷ USD của năm ngoái, chủ yếu là do có sự sụt giảm dòng vốn FDI vào Trung Quốc.

Điều đáng chú ý trong động thái FDI năm nay là sự tăng trưởng đột biến dòng FDI vào các nền kinh tế mới nổi châu Âu. Đây là khu vực duy nhất trên thế giới năm nay đạt mức tăng trưởng FDI rất cao, 178% và đạt con số 66 tỷ USD so với 37 tỷ USD của năm ngoái, do có sự đóng góp rất lớn của dòng vốn FDI vào Thổ Nhĩ Kỳ và Nga. Sau 5 năm thu hút được một lượng vốn đầu tư ít ỏi trong giai đoạn 2000-2005, năm 2006 Nga thu hút được trên 13 tỷ USD vốn FDI, trở thành nước lớn thứ 2 châu Âu mới nổi sau Thổ Nhĩ Kỳ. Giá cả hàng hoá tăng cao trong năm đang khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài để ý đến các nguồn tài nguyên năng lượng dồi dào của Nga. Năm 2006, Thổ Nhĩ Kỳ thu hút được 22 tỷ USD vốn FDI, tăng 2,4 lần so với con số 9 tỷ USD của năm 2005 do những kết quả tư nhân hoá và những

tiến bộ trong việc hội nhập EU của nước này. Tiếp theo châu Âu, châu Phi năm nay cũng đạt được mức tăng trưởng FDI cao, đạt 20 tỷ USD và tăng 3 tỷ USD so với con số 17 tỷ USD của năm ngoái. Ai Cập đã vượt qua Nam Phi, trở thành nước thu hút vốn FDI lớn nhất ở châu Phi, đạt 5 tỷ USD trong năm do những kết quả tư nhân hoá của đất nước này.

Phân theo ngành kinh tế, FDI trong các ngành tập trung nhiều tài nguyên được đánh giá là có chiều hướng gia tăng hơn cả. Với nhu cầu ngành càng cao về các nguồn tài nguyên, đặc biệt là sự tăng trưởng kinh tế quá nóng của Trung Quốc và việc mở cửa tạo cơ hội đầu tư kiếm lời trong các ngành nguyên liệu thô (như dầu và khí ga ở Angiêri và Nga), đây là động lực khiến FDI ngày càng đổ nhiều vào các ngành này. Hơn nữa, trong năm 2006, dòng vốn FDI trong những ngành công nghiệp sạch nhằm bảo vệ sức khoẻ và môi trường cũng có chiều hướng gia tăng mạnh mẽ, đặc biệt là ở các nước châu Á và Đông Âu. Dòng đầu tư này thường kéo theo cả việc đầu tư R&D và đây được coi là cơ hội cho những nước châu Á và Đông Âu có khả năng tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến thông qua FDI. Theo báo cáo của UNCTAD năm 2006, ngành dịch vụ của các nước đang phát triển mới nổi ngày càng có sức hấp dẫn FDI. Những điều tra của UNCTAD tại 50 nước châu Mỹ Latinh, châu Á, châu Phi và châu Âu về mức độ mở cửa kinh tế đối với FDI đã cho rằng: châu Mỹ Latinh và các nền kinh tế

Trung và Đông Âu có mức độ mở cửa hơn các nền kinh tế châu Phi và châu Á. Cộng hoà Séc, Bolivia và Uganda có những hạn chế thấp nhất đối với FDI trong ngành dịch vụ, trong khi Philippin, Ethiôpia, Ả-rập Xê-ut có mức độ bảo hộ cao nhất đối với FDI trong ngành dịch vụ. Ngành dịch vụ môi trường, xây dựng và du lịch có những giới hạn ít nhất đối với dòng FDI, trong khi ngành điện và viễn thông ở nhiều nước có mức độ mở cửa cho FDI vào hạn chế. Năm 2006, FDI trong ngành dịch vụ chiếm tới 2/3 tổng FDI trên toàn thế giới và chiếm khoảng 50% FDI vào các nước đang phát triển. Như vậy có thể thấy FDI có vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển bởi nó cải thiện được cán cân thanh toán, thu hút công nghệ, tri thức và kỹ năng, cũng như tạo việc làm cho người lao động.

c. Dòng vốn tài trợ chính thức có chiều hướng suy giảm. Năm 2006, dòng vốn tài trợ chính thức (cả từ các tổ chức quốc tế và tín dụng song phương) đạt 47,7 tỷ USD, thấp hơn mức kỷ lục 56,1 tỷ USD của năm 2005. Phân theo khu vực, các nền kinh tế châu Âu mới nổi chiếm phần lớn nguồn vốn tài trợ chính thức, 26,7 tỷ USD và chiếm 56% tổng vốn tài trợ vào các thị trường mới nổi; tiếp theo là châu Mỹ Latinh (chiếm 37,5% và đạt 17,9 tỷ USD). Châu Phi và Trung Đông năm 2006 có sự sụt giảm mạnh mẽ vốn tài trợ chính thức, chỉ đạt 0,4 tỷ USD so với 3 tỷ USD của năm 2005 và châu Á - Thái Bình Dương

chỉ đạt 2,6 tỷ USD. Tài trợ từ các tổ chức tín dụng song phương năm nay đạt 24,7 tỷ USD, tăng so với 16,7 tỷ USD của năm 2005 do một số nước, điển hình là Nga, đã đã trả trước một phần lớn nợ của họ trong Câu lạc bộ Paris. Năm nay, có khoảng trên 50% trong tổng số các nền kinh tế mới nổi đạt được các mức vay nợ từ các tổ chức tín dụng song phương chính thức, trong đó Ấn Độ, Trung Quốc, Ai Cập mỗi nước nhận được trên 1 tỷ USD vốn tài trợ từ các tổ chức tín dụng song phương chính thức.

2. Những nhân tố tác động đến dòng vốn đầu tư trong năm 2006

Đầu tư quốc tế trong năm 2006 chịu tác động chủ yếu của các nhân tố sau:

Thứ nhất, kinh tế thế giới năm 2006 tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao 5,1% khiến các hoạt động đầu tư trên khắp các châu lục trở nên sôi động. Tăng trưởng kinh tế của Mỹ năm 2006 đạt 3,4%, khu vực đồng Euro đạt 2,4%, Nhật Bản 2,7%, đều ở mức tăng cao hơn so với năm 2005. Cùng với các nền kinh tế phát triển, tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi cũng ở mức rất cao, 7,3% (giảm nhẹ so với mức 7,4% của năm 2005). Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực tăng trưởng kinh tế nhanh nhất, đạt 8,7%, trong đó Trung Quốc đạt 10,5%, Ấn Độ 8,3%. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã đóng góp nhiều vào tăng trưởng của các quốc gia châu Á

khác như Thái Lan, Xingapo, Indônêxia, Philipin do quan hệ thương mại chặt chẽ của khu vực này. Trong năm 2006, Châu Phi tăng trưởng 5,4%. Đây là năm thứ 3 liên tiếp châu Phi đạt được mức tăng trưởng khá, trong khi Trung và Đông Âu đạt mức tăng trưởng 5,3%, Mỹ Latinh 4,8%... Những chỉ số kinh tế vĩ mô của các nước đang phát triển trong năm cũng mang tính chất ổn định và có lợi cho các hoạt động đầu tư nước ngoài, vì vậy các hoạt động đầu tư ở nhiều nước vẫn tiếp tục sôi động.

Thứ hai, làn sóng mua bán và sáp nhập là nhân tố quan trọng khiến FDI tiếp tục tăng cao ở các nền kinh tế mới nổi. Làn sóng này đã tạo điều kiện cải thiện môi trường kinh doanh, các điều kiện tài chính và các hoạt động kinh tế vĩ mô ở các nước và tạo điều kiện cho các dòng vốn đầu tư xuyên biên giới quốc gia. Trong quý I năm 2006, các vụ mua bán sáp nhập xuyên biên giới ở các nước OECD đạt 192,2 tỷ USD, tăng so với mức 99,2 tỷ USD cùng kỳ năm 2005. Số lượng vốn thu được từ M&A trong quý II là 161,4 tỷ USD, trong quý III là 139,4 tỷ USD. Tổng cộng vốn thu được từ quý I-quý III năm 2006 từ các vụ mua bán và sáp nhập xuyên biên giới ở OECD là 493 tỷ USD, đạt tốc độ tăng 24%/năm và tăng cao so với con số 397,7 tỷ USD cùng kỳ năm 2005. Tỷ lệ của các thị trường mới nổi trong M&A toàn cầu cũng tăng dần trong năm 2006 cùng với làn sóng mua bán sáp nhập của các nước phát triển.

Thứ ba, những điều chỉnh chính sách của các nước đang phát triển ngày càng mang tính hấp dẫn hơn đối với đầu tư nước ngoài. Hàng loạt các nước châu Á đang tiếp tục áp dụng chính sách tự do hoá hơn nữa các ngành thu hút FDI. Tại châu Phi, Libi đã cho phép các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại đây. Các nước khác như Ai Cập đã thực hiện chính sách tự do hoá ngành với các biện pháp hấp dẫn hơn; Bôtxoana đã tiến hành tư nhân hoá liên ngành, cho phép sở hữu nước ngoài trong một số ngành kinh tế. Các nước Mỹ Latinh cũng có những biện pháp cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài. Tháng 6 năm 2006, Bôlivia đã quyết định quốc hữu hoá ngành dầu khí, trong khi Venêduêla tiếp tục tăng kiểm soát cơ sở sản xuất dầu PDVSA thuộc sở hữu nhà nước bằng việc tái đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài. Tại Chi Lê, một bộ luật mới đã ra đời áp dụng thuế lợi nhuận ở mức 5% trong các hoạt động khai thác đồng khiến sản xuất không ngừng gia tăng. Những biện pháp, chính sách khác nhau ở một loạt các nền kinh tế mới nổi đang là yếu tố quan trọng thu hút nhiều dòng vốn đầu tư.

Thứ tư, những biến động về giá cả trên thị trường thế giới trong năm có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động đầu tư toàn cầu. Năm 2006, giá dầu mỏ tăng 29,7%, xấp xỉ bằng mức tăng giá của năm 2004, kéo theo giá các loại hàng hoá khác tăng cao. Giá nguyên liệu phi dầu mỏ tăng ở mức kỷ lục 22,1% (năm 2005 tăng 10,3%)

đã khiến đầu tư nước ngoài tập trung chủ yếu vào các nước có tiềm năng về nguồn năng lượng và nguyên liệu khoáng sản, nhưng cũng tạo rủi ro cho các nước khác do chi phí tăng cao. IMF cho rằng các mặt hàng kim loại năm 2006 đã tăng giá 180% so với mức giá năm 2002, thậm chí cao hơn mức tăng 157% của giá dầu thô trong cùng giai đoạn. Trong 4 năm qua, nền kinh tế tăng trưởng nhanh ở Trung Quốc đã chiếm một nửa nhu cầu gia tăng trên thế giới về đồng, nhôm, niken, thép và các kim loại khác. Giá cả của 2 mặt hàng kim loại chính là nhôm và đồng lên đến mức cao kỷ lục. Lần đầu tiên giá đồng tại Luân Đôn đã tăng tới mức 8.000 USD/tấn, bất chấp việc mỏ đồng khổng lồ Escondida ở Chile đã khôi phục sản xuất sau một cuộc bãi công. Theo những phân tích của IMF, IIF đều cho rằng sự tăng giá cả trong năm 2006 là do sự bùng nổ mức cầu chủ yếu từ Trung Quốc đã vượt quá xa so với mức cung, đặc biệt là sắt thép, nguyên liệu sản xuất, khiến chi phí sản xuất ngày càng tăng cao, làm ảnh hưởng đến động thái đầu tư nước ngoài trên thế giới.

3. Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là điểm đến hấp dẫn của dòng đầu tư quốc tế

Sau khi đạt mức 198,8 tỷ USD vào năm 2005, đầu tư tư nhân vào châu Á - Thái Bình Dương năm 2006 giảm xuống còn 178,6 tỷ USD do đầu tư trực tiếp nước ngoài và các khoản tín dụng ngân hàng

thương mại của khu vực này năm nay có chiều hướng suy giảm. FDI vào châu Á - Thái Bình Dương năm 2006 đạt 75,2 tỷ USD, giảm so với mức 84,7 tỷ USD của năm trước đó, trong khi đó đầu tư cổ phần cũng giảm từ 123 tỷ USD năm 2005 xuống 115,1 tỷ USD và tiền vốn từ tín dụng ngân hàng thương mại giảm từ 46,4 tỷ USD năm 2005 xuống 32,1 tỷ USD năm 2006. Nếu tính cho tất cả các thành phần vốn đầu tư, trừ FDI có khả năng giảm nhẹ xuống còn 74,8 tỷ USD năm 2007, còn lại tất cả các nguồn vốn đầu tư khác đều có xu hướng giảm mạnh và dự báo sang năm 2007 tổng đầu tư tư nhân nước ngoài vào châu Á - Thái Bình Dương sẽ chỉ đạt 154,5 tỷ USD, giảm 14% so với năm 2006.

Mặc dù có sự suy giảm nhẹ vốn đầu tư nước ngoài vào châu Á - Thái Bình Dương, nhưng đây vẫn là khu vực chiếm tỷ lệ vốn đầu tư cao nhất trong số các nền kinh tế mới nổi. Năm 2006, vốn đầu tư tư nhân vào châu Á - Thái Bình Dương chiếm 42,7% lượng vốn đổ vào các nền kinh tế mới nổi. Nguyên nhân chủ yếu là do châu Á vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc diện nhanh nhất thế giới, ở mức 8% trong năm nay, trong đó Trung Quốc và Ấn Độ đạt tốc độ tăng trưởng nhanh nhất. Sự sụt giảm dòng vốn đầu tư vào châu Á năm nay chủ yếu là do có sự suy giảm dòng vốn đầu tư vào Trung Quốc. Năm 2006, Trung Quốc thu hút được 57 tỷ USD vốn FDI, chiếm 75,8% tổng vốn FDI vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương và

giảm 11 tỷ USD so với con số kỷ lục 68 tỷ USD của năm 2005. Những nỗ lực của chính phủ trong việc kiểm chế đầu tư trong các ngành đang tăng trưởng quá nóng như bất động sản và những cố gắng dàn xếp đầu tư trong những ngành ưu tiên như sắt thép, nhôm, ô tô, xi măng, năng lượng, dệt may... đã có ảnh hưởng lớn đến động thái thu hút FDI của Trung Quốc trong năm. Tiếp theo Trung Quốc, Ấn Độ là nước có dòng vốn FDI lớn thứ 2 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, đạt 7 tỷ USD năm 2006 so với mức 6 tỷ USD năm trước đó. Những lợi thế của một đất nước phát triển công nghệ viễn thông, phần mềm, nguồn nhân lực có kỹ năng cao, thị trường nội địa ngày càng mở rộng, quyền sở hữu trí tuệ đang có những bước tiến cơ bản..., Ấn Độ đang thu hút sự quan tâm của các công ty xuyên quốc gia trên thế giới. IBM đang có kế hoạch tăng gấp 3 lượng vốn đầu tư của mình vào Ấn Độ, với tổng số vốn khoảng 6 tỷ USD trong 3 năm tới và đưa Ấn Độ trở thành địa chỉ lớn thứ 2 của IBM sau Mỹ.

Bên cạnh Trung Quốc và Ấn Độ, các nền kinh tế năng động khác như Đài Loan, Hàn Quốc, Indônêxia, Philippin... có chiều hướng tăng giảm dòng vốn FDI khác nhau. FDI vào Đài Loan đạt 11,23 tỷ USD, tăng 290% so với năm 2005. Tại Hàn Quốc, các nhà đầu tư toàn cầu như Dutch Chip, Lon Star đã ký các hợp đồng đầu tư trị giá 7,4 tỷ USD cho đất nước này. Tại Indônêxia, trong 10 tháng đầu

năm 2006 FDI đạt 4,48 tỷ USD, giảm gần một nửa so với mức 8,55 tỷ USD cùng kỳ năm 2005 mặc dù chính phủ đang cố gắng hết sức để tăng lượng FDI hàng năm lên 22 tỷ USD. Tại Philippin, FDI năm 2006 đạt khoảng 1,9 tỷ USD do những nỗ lực giảm tham nhũng hiệu quả của Tổng thống Arroyo. Nhìn chung, so với thời điểm trước khủng hoảng tài chính năm 1997, trừ Trung Quốc và Việt Nam, các nước Đông Á và Đông Nam Á khác tuy có sự hồi phục dòng FDI nhưng chưa thể đạt ở mức tăng đỉnh điểm của những năm 1995-1996. Còn ở khu vực Nam Á, mặc dù tỷ lệ đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất nhưng cũng chưa thể đủ đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động. Thách thức hiện nay đối với các chính phủ là làm thế nào nới lỏng các quy định, thủ tục đầu tư hơn nữa, hạn chế tham nhũng, phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.

Năm 2006 chúng kiến một làn sóng đầu tư ra nước ngoài ngày càng gia tăng từ khu vực châu Á. Chính phủ các nước đã đề ra những chiến lược khuyến khích đầu tư ra nước ngoài. Tại Xingapo, chính phủ đã thực hiện hàng loạt các biện pháp mở rộng thị trường quốc tế cho các công ty tư nhân. Tại Trung Quốc, chính phủ thực hiện chiến lược "hướng ra toàn cầu" để thúc đẩy sự bùng nổ đầu tư ra nước ngoài. Tại Ấn Độ, tổng thống đã khuyến khích các công ty Ấn Độ đầu tư ra thị trường toàn cầu. Hàng loạt các tổ chức xúc tiến thương mại

(TPOs), các tổ chức xúc tiến đầu tư (IPAs) đã được thành lập để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là sang thị trường châu Phi. Tính đến nay, làn sóng mua bán và sáp nhập công ty của châu Phi do các chủ đầu tư châu Á tiến hành đã lên tới 104 vụ, trong đó diễn ra mạnh mẽ là ở Nam Phi, Ai Cập, Trung Quốc, Ấn Độ, Malaixia, Pakixtan, Hàn Quốc, Đài Loan là những chủ đầu tư châu Á lớn nhất trên thị trường châu Phi.

4. Triển vọng đầu tư quốc tế năm 2007 - 2010

Những đánh giá mới đây nhất của IMF và UNCTAD về triển vọng FDI từ nay đến năm 2010 đều cho rằng trong những năm tới chiều hướng đầu tư quốc tế sẽ có những dấu hiệu tích cực mặc dù còn nhiều nhân tố bất ổn. Dự báo này được dựa trên sự đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ổn định và đạt mức cao trong vài năm tới, môi trường kinh doanh sẽ được cải thiện tốt hơn, xu hướng liên kết khu vực tiếp tục được thực hiện, những thay đổi công nghệ và lực lượng lao động có kỹ năng tiếp tục diễn ra nhanh chóng và môi trường cạnh tranh toàn cầu ngày càng mạnh khiến các công ty không ngừng tìm kiếm những địa bàn có chi phí thấp nhất để đầu tư phát triển sản xuất.

Bảng 3 cho thấy, theo dự báo của IMF và UNCTAD, năm 2007 FDI trên toàn thế giới có khả năng đạt 1285,3 tỷ USD, đạt tốc độ tăng trưởng 4,9%/năm so với tốc độ tăng trưởng 22%/năm của năm 2006. FDI

vào các nước phát triển năm 2007 sẽ đạt 814,8 tỷ USD, chiếm 66,7% tổng FDI toàn cầu và đạt tốc độ tăng trưởng 8%/năm, trong khi đó FDI vào các nước đang phát triển sẽ đạt 407,7 tỷ USD, chiếm 33,3% tổng FDI toàn cầu và đạt tốc độ tăng trưởng - 0,7%/năm. Bên cạnh đó, nguồn vốn gián tiếp trên thế giới năm 2007 được dự đoán sẽ đạt 12.639 tỷ USD, đạt tốc độ tăng trưởng 10,4%/năm, giảm nhẹ so với tốc độ tăng 11%/năm của năm 2006. Những dự báo của Viện Tài chính Quốc tế (IIF) cho rằng dòng vốn tư nhân đổ vào các thị trường mới nổi năm 2007 sẽ đạt 403,6 tỷ USD, giảm 3,4% so với mức của năm 2006, trong khi đó dòng vốn tài trợ chính thức sẽ có sự suy giảm rất mạnh, còn 5,9 tỷ USD so với mức 47,7 tỷ USD trong năm 2006. Từ những dự báo đó có thể thấy sau năm 2006 FDI toàn cầu sẽ có chiều hướng gia tăng về số lượng nhưng sẽ giảm về tốc độ tăng trưởng và dự đoán trong giai đoạn 2007-2010 tốc độ tăng trưởng FDI toàn cầu sẽ đạt mức 4,9%/năm (bảng 3).

Bên cạnh những nhân tố tích cực làm gia tăng lượng vốn đầu tư toàn cầu đến năm 2010, trong những năm tới, tốc độ tăng trưởng đầu tư toàn cầu sẽ không thể đạt mức cao do môi trường đầu tư trên thế giới tiếp tục gặp những dấu hiệu rủi ro mang tính chất địa lý như sự mất ổn định chính trị, chiến tranh, thiên tai, giá dầu lửa, tăng khủng bố, toàn cầu hoá... Những rủi ro này liên quan trực tiếp đến chi phí kinh doanh của các dự án đầu tư, đe dọa an ninh con người, tác động tiêu cực đến

môi trường kinh doanh toàn cầu và có khả năng tạo nên chủ nghĩa bảo hộ kinh tế tác động tiêu cực đến chiều hướng luân chuyển của dòng vốn đầu tư toàn cầu.

Bảng 3: FDI trên thế giới giai đoạn 2001-2010 (tỷ USD, %)

	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
FDI toàn thế giới	801,7	954,8	1222,5	1285,3	1407,3	1470,6	1541,2
Tốc độ tăng trưởng	22,2	19,1	22,0	4,9	5,1	4,5	4,8
%GDP	2,0	2,2	2,4	2,3	2,4	2,4	2,4
FDI vào các nước phát triển	485,6	555,6	754,3	814,8	880,7	929,0	979,4
Tốc độ tăng trưởng	7,0	14,4	35,8	8,0	8,1	5,5	5,4
%GDP	1,6	1,7	2,2	2,2	2,3	2,3	2,4
% tổng FDI thế giới	60,6	58,2	64,8	66,7	68,5	69,2	69,6
FDI vào các nước đang phát triển	316,1	399,2	410,6	407,7	404,7	413,9	427,9
Tốc độ tăng trưởng	56,5	26,3	2,8	-0,7	-0,7	2,3	3,4
%GDP	3,1	3,4	3,0	2,8	2,6	2,4	2,3
% tổng FDI thế giới	39,4	41,8	35,2	33,3	3,5	30,8	30,4
Đầu tư gián tiếp toàn cầu	9622	10.317	11.450	12.639	13.888	15.192	16.560
Tốc độ tăng trưởng	13,8	7,2	11,0	10,4	9,9	9,4	9,0
%GDP	23,5	23,4	24,1	24,2	25,5	26,7	27,8

Nguồn: *World Investment Prospects to 2010*, IMF, UNCTAD.

Tài liệu tham khảo

1. *Capital Flows to Emerging Market Economies*, Institute of International Finance, 15/9/2006.
2. *World Economic Outlook*, 9/2006, IMF 2006
3. *Trends in Foreign Direct Investment and Crossborder Mergers and Acquisitions*, Clifford Chance, <http://www.cliffordchance.com>
4. *World Investment Report 2006*, UNCTAD 2006
5. www.adb.org/